

hsc

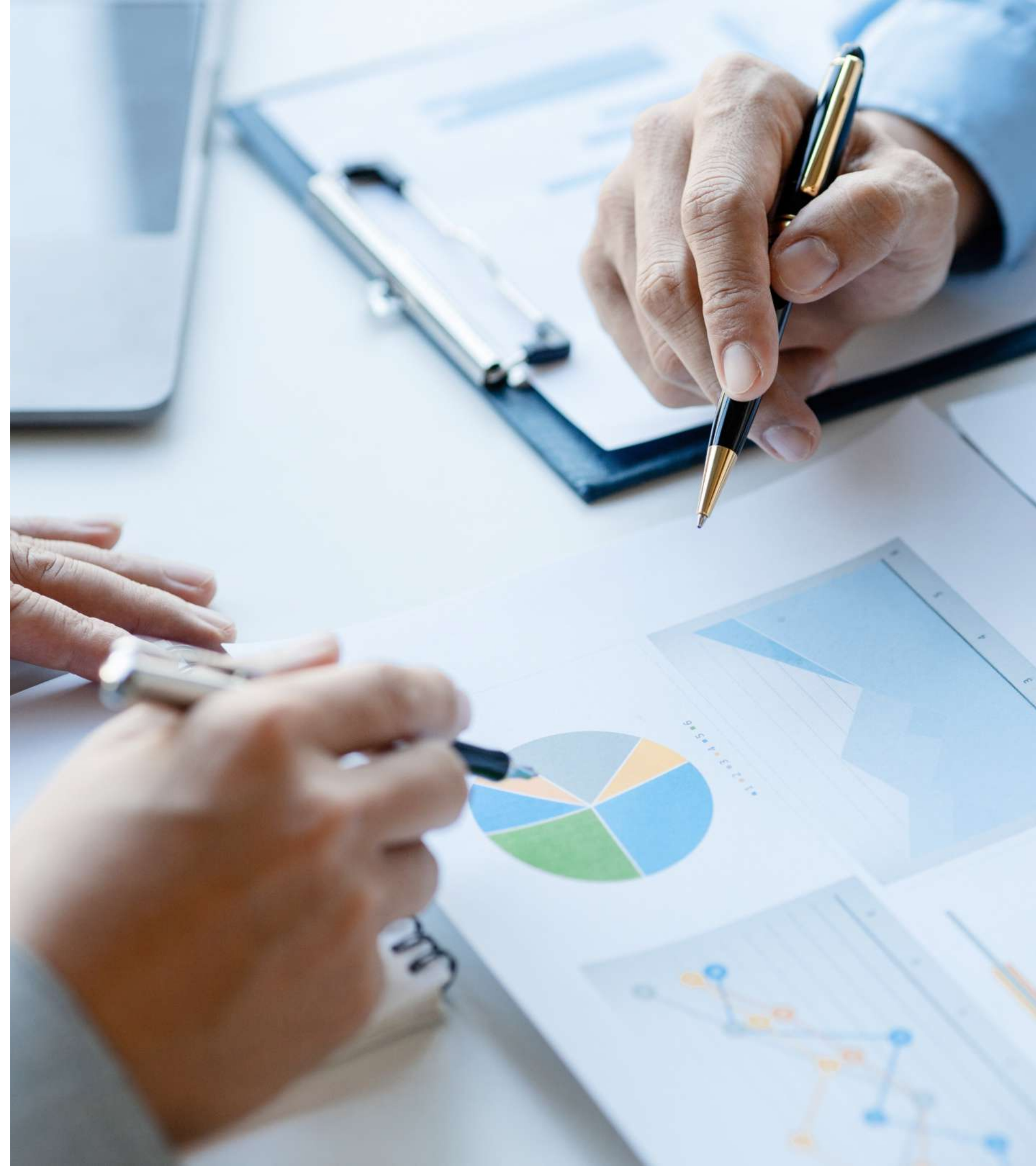
DỊCH VỤ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Giải pháp vốn linh hoạt cho Nhà đầu tư



MỤC LỤC

1. Dịch vụ Giao dịch Ký quỹ (GDKQ) là gì?
2. Vì sao Nhà đầu tư nên sử dụng Dịch vụ GDKQ?
3. Ưu điểm vượt trội của Dịch vụ GDKQ tại HSC
4. Các bước đăng ký Dịch vụ GDKQ
5. Các định nghĩa và thông số trong sản phẩm Dịch vụ GDKQ
6. Các lưu ý quan trọng cho Nhà đầu tư
7. Hiển thị trên hệ thống giao dịch HSC
8. Minh họa cơ chế hoạt động Dịch vụ GDKQ tại HSC
9. Thông tin liên hệ



- Là dịch vụ cho phép Nhà đầu tư vay vốn từ Công ty Chứng khoán (CTCK) để giao dịch chứng khoán theo hình thức ký quỹ bằng Tài sản. Tài sản có thể là tiền mặt hoặc chứng khoán nằm trong danh mục được phép GDKQ của HSC tại từng thời điểm.
- Khi sử dụng Dịch vụ GDKQ, Nhà đầu tư chỉ cần bỏ vào phần vốn góp tương ứng với số tiền được hiểu là ký quỹ ban đầu của chứng khoán cần giao dịch, phần tiền còn lại sẽ do HSC thực hiện cho vay. Mỗi Nhà đầu tư sẽ được HSC cấp một hạn mức tín dụng nhất định để thực hiện GDKQ.





Sức mua lớn hơn

Nhà đầu tư có thể giao dịch được nhiều mã chứng khoán hơn, giá trị giao dịch lớn hơn so với khi chỉ sử dụng tiền mặt của chính mình.



Linh hoạt sử dụng vốn

Nhà đầu tư có thể thay đổi chiến lược đầu tư nhanh chóng, tận dụng điều kiện thị trường với việc thế chấp cổ phiếu hay tài sản đang có để vay thêm vốn hoặc thực hiện các lệnh rút tiền dựa trên yêu cầu ký quỹ ban đầu.



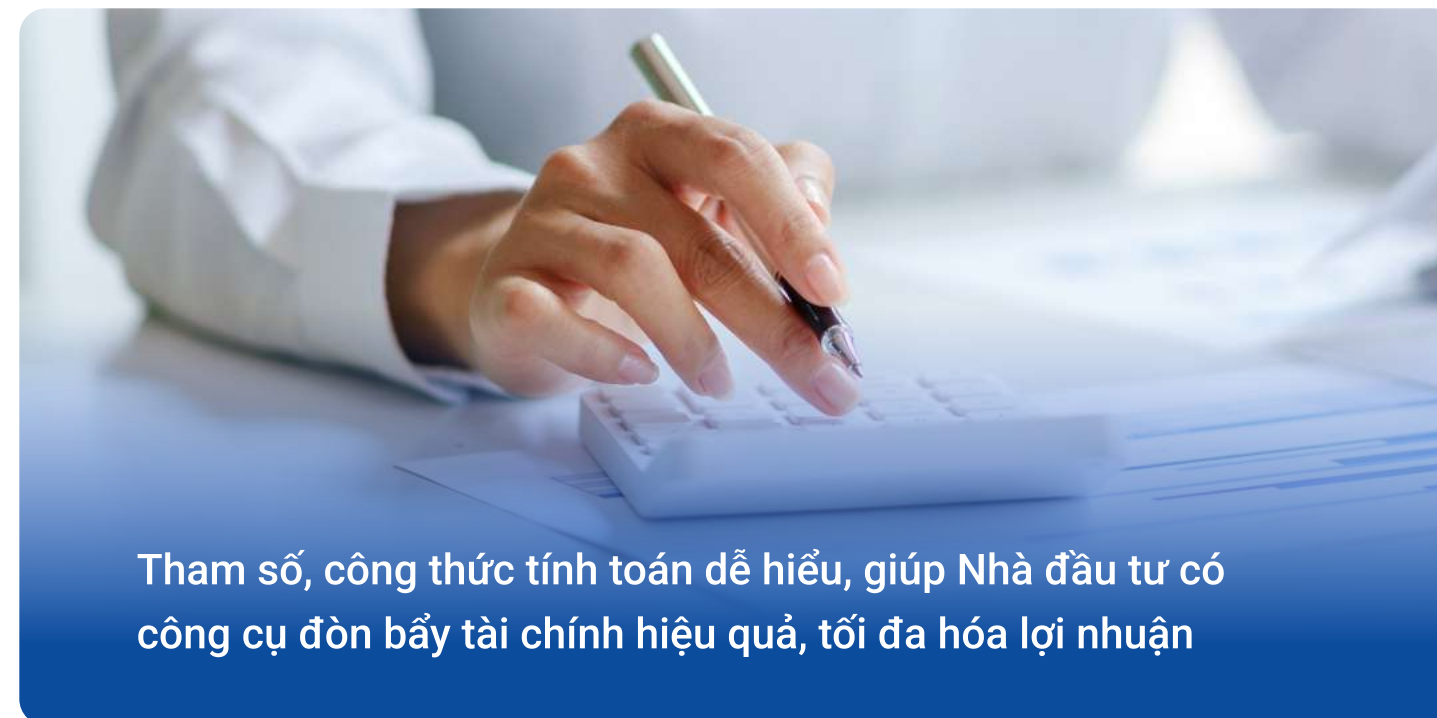
Gia tăng đòn bẩy tài chính

Nhà đầu tư dùng đòn cân nợ để sử dụng đồng vốn hiệu quả cao hơn, tối đa hóa cơ hội đầu tư và gia tăng lợi nhuận.



Thanh toán nợ vay

Linh hoạt, tại bất kỳ thời điểm nào ngay sau khi Nhà đầu tư bán chứng khoán hoặc nộp tiền mặt và có thể vay lại ngay bằng cách tái giao dịch chứng khoán.





01 Mở Tài khoản Chứng khoán

- Đề nghị cấp Hạn mức GDKQ
- Ký HĐ GDKQ
- Kích hoạt TK GDKQ
- Xem hướng dẫn về quy định GDKQ

02 Giao dịch Chứng khoán

- Ký quỹ ban đầu
- Tiến hành Giao dịch Ký quỹ
- Tuân thủ quy định GDKQ

03 Định kỳ

- Ký Phụ lục gia hạn hoặc Xác nhận trực tuyến
- Thanh lý HĐ GDKQ

5.1. Tham số áp dụng cho mã chứng khoán

5.1.1. Hạn mức cho vay theo cổ phiếu – Stock Account Limit (AL)

- Là dư nợ cho vay tối đa đối với một mã chứng khoán trên một Tài khoản GDKQ.
- Trường hợp Tài khoản đã sử dụng vượt hạn mức này, Nhà đầu tư muốn giao dịch thêm phải ký quỹ đầy đủ 100% giá trị giao dịch.

5.1.2. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu – Initial Margin (im)

Là Tỷ lệ do HSC quy định đối với từng mã chứng khoán làm cơ sở tính toán số tiền/giá trị chứng khoán ký quỹ phải có trước khi Nhà đầu tư thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán.

- Mỗi mã chứng khoán sẽ có Tỷ lệ ký quỹ ban đầu khác nhau và tối đa đến 100%.
- Đối với chứng khoán chờ về (quyền mua, cổ phiếu thưởng), Tỷ lệ ký quỹ ban đầu sẽ cao hơn một tỷ lệ nhất định (%) so với Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của mã chứng khoán đang lưu hành.
- Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của chứng khoán chờ về được tính theo công thức: $\text{Min}(im \times 140\%, 100\%)$

5.1.3. Hệ số định giá – Collateral Ratio (c%)

Là hệ số dùng để tính Giá trị tài sản đảm bảo làm tài sản thế chấp cho vay GDKQ.

- Nếu mã chứng khoán có $c = 0\%$: không được dùng làm tài sản thế chấp
- Nếu mã chứng khoán có $c > 0\%$: được dùng làm tài sản thế chấp

5.2. Tham số áp dụng cho Tài khoản

5.2.1. Hạn mức tín dụng – Credit Limit (CL)

Là dư nợ cho vay tối đa mà HSC có thể cấp cho Nhà đầu tư dựa trên Hợp đồng Giao dịch Ký quỹ, trong mọi thời điểm dư nợ vay của Tài khoản sẽ không được vượt quá hạn mức này.

5.2.2. Số dư tiền - Cash Balance (C)

$\text{Số dư tiền (C)} = \text{Số dư hiện tại} - \text{Tiền tạm giữ} - \text{Lãi vay gộp} - \text{Phí khác} + \text{Tiền bán chờ về} - \text{Tiền mua chờ thanh toán} + \text{Tiền mua bán rông trong ngày}$

- Nếu số dư tiền là số dương ($C > 0$), Tài khoản được phép giao dịch mua thêm chứng khoán và rút tiền mặt.
- Nếu số dư tiền là số âm ($C < 0$), Tài khoản đang có dư nợ vay.

5.2. Tham số áp dụng cho Tài khoản

5.2.3. Tài sản – Asset (A)

Là toàn bộ giá trị chứng khoán có trong danh mục của Tài khoản, được tính theo công thức:

$$\text{Tài sản (A)} = \sum \text{Khối lượng chứng khoán (q)} \times \text{Thị giá chứng khoán (p)}$$

- p: Thị giá chứng khoán.
- q: Khối lượng chứng khoán tính toán bao gồm toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ trong Tài khoản (bao gồm chứng khoán đang bị tạm giữ, phong tỏa, cầm cố); cổ phiếu mua đang chờ về; cổ phiếu đang chờ về do thực hiện quyền.
- Chứng khoán bao gồm các loại chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (CCQ), chứng quyền và cổ phiếu OTC.

5.2.4. Giá trị tài khoản – Account Value (AV)

Là tổng giá trị tiền mặt và giá trị toàn bộ chứng khoán có trong Tài khoản, được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị tài khoản (AV)} = \text{Số dư tiền (C)} + \text{Tài sản (A)}$$

5.2.5. Giá trị Tài sản đảm bảo - Collateral Value (CV)

Là giá trị tài sản được dùng làm tài sản thế chấp để Giao dịch Ký quỹ và được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị tài sản đảm bảo (CV)} = \sum \text{Số lượng chứng khoán được tính GDKQ(q)} \times \text{Thị giá chứng khoán (p)} \times \text{Hệ số định giá (c)}$$

- p: Thị giá chứng khoán.
- q: Khối lượng chứng khoán tính toán bao gồm toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ trong tài khoản (không bao gồm chứng khoán đang bị tạm giữ, phong tỏa, cầm cố); cổ phiếu mua đang chờ về; cổ phiếu đang chờ về do thực hiện quyền.
- Chứng khoán bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (CCQ), chứng quyền và không bao gồm cổ phiếu OTC.

5.2. Tham số áp dụng cho Tài khoản

5.2.6. Giá trị ký quỹ - Equity Balance (E)

Là giá trị ký quỹ của Tài khoản để thực hiện Giao dịch Ký quỹ, được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị ký quỹ (E)} = \text{Số dư tiền (C)} + \text{Giá trị tài sản đảm bảo (CV)}$$

5.2.7. Tỷ lệ ký quỹ duy trì – Maintenance Margin (mm)

- Là ngưỡng tỷ lệ mà Nhà đầu tư phải đảm bảo duy trì TK GDKQ trong mọi thời điểm.
- (mm) là tham số của Tài khoản và sẽ có thể thay đổi tùy từng thời điểm, hiện tại HSC đang áp dụng (mm = 60%).

5.2.8. Các Yêu cầu ký quỹ:

(i) Yêu cầu ký quỹ - Initial Margin Requirement (IM)

Là khoản giá trị ký quỹ tối thiểu phải có bằng tiền mặt và giá trị chứng khoán trong Tài khoản GDKQ tính theo Thị giá để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ ban đầu theo quy định của HSC tại thời điểm giao dịch, được tính theo công thức:

$$\text{Yêu cầu ký quỹ (IM)} = \sum \text{Số lượng chứng khoán được tính GDKQ} \times \text{Thị giá chứng khoán} \times \text{Hệ số định giá (c)} \times \text{Tỷ lệ ký quỹ ban đầu (im)}$$

(ii) Ký quỹ duy trì - Maintenance Margin Requirement (MM)

Là khoản giá trị ký quỹ tối thiểu phải duy trì bằng tiền mặt và giá trị chứng khoán trong Tài khoản GDKQ tính theo Thị giá, được tính theo công thức:

$$\text{Ký quỹ duy trì (MM)} = \text{Yêu cầu ký quỹ (IM)} \times \text{Tỷ lệ ký quỹ duy trì (mm)}$$

5.2. Tham số áp dụng cho Tài khoản

5.2.9. Thừa ký quỹ - Excess Equity (EE)

$$\text{Thừa ký quỹ (EE)} = \text{Giá trị ký quỹ (E)} - \text{Yêu cầu ký quỹ (IM)}$$

- Nếu giá trị Thừa ký quỹ là số dương (EE>0), Tài khoản nằm trong ngưỡng an toàn, Nhà đầu tư có thể giao dịch thêm chứng khoán hoặc có thể được rút tiền và theo chính sách rút tiền tại từng thời điểm của HSC.
- Nếu giá trị Thừa ký quỹ là số âm (EE<0), Tài khoản nằm trong ngưỡng rủi ro.

5.2.10. Sức mua – Buying Power (BP)

(i) Quý khách vui lòng tham khảo công thức tính Sức mua [tại đây](#).

(ii) Sức mua còn phụ thuộc vào các giới hạn của Tài khoản GDKQ:

- Giới hạn cho vay của HSC tại từng thời điểm (giới hạn tổng cho vay tối đa đối với một mã chứng khoán và/hoặc giới hạn cho vay tối đa đối với một Tài khoản).
- Nếu giới hạn tổng cho vay bằng không (= 0), Tài khoản GDKQ sẽ bị giới hạn Sức mua và không được cấp thêm Sức mua để vay mua mới chứng khoán. Nếu giới hạn tổng cho vay lớn hơn không (> 0), Tài khoản GDKQ được cấp thêm Sức mua.
- Sức mua phụ thuộc vào Tổng dư nợ vay của Tài khoản GDKQ, nếu Dư nợ vay lớn hơn Hạn mức Tín dụng thì Tài khoản GDKQ sẽ không được cấp thêm Sức mua.

5.2.11. Tỷ lệ ký quỹ - Margin ratio (mr)

- Là tỷ lệ dùng để quản lý rủi ro cho Tài khoản GDKQ.
- Tài khoản GDKQ có Tỷ lệ ký quỹ càng cao được xem là càng an toàn và ngược lại
- Tỷ lệ ký quỹ được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ ký quỹ (mr)} = \frac{\text{Giá trị ký quỹ (E)}}{\text{Yêu cầu ký quỹ (IM)}}$$

5.2. Tham số áp dụng cho Tài khoản

5.2.12. Thặng dư/Thâm hụt ký quỹ – Surplus/Deficit

Thặng dư/Thâm hụt ký quỹ = Giá trị ký quỹ (E) – Ký quỹ duy trì (MM)

- Nếu chênh lệch giữa Giá trị ký quỹ và Ký quỹ duy trì là số dương (>0): Tài khoản ở trạng thái bình thường
- Nếu chênh lệch giữa Giá trị ký quỹ và Ký quỹ duy trì là số âm (<0): Tài khoản ở trạng thái thâm hụt ký quỹ và bắt buộc phải ký quỹ bổ sung.

5.2.13. Yêu cầu ký quỹ bổ sung – Call amount

- Khi Tài khoản có Thâm hụt ký quỹ, Tài khoản có phát sinh Yêu cầu ký quỹ bổ sung (Call amount)
- Yêu cầu ký quỹ bổ sung được tính theo công thức:

Yêu cầu ký quỹ bổ sung = X% x Ký quỹ duy trì (MM) - Giá trị ký quỹ (E)

Trong đó: X% là tham số và có thể lớn hơn hoặc bằng 100% ($\geq 100\%$)

5.2.14. Giá trị bán giải chấp – Forced sell

Quý khách vui lòng tham khảo công thức tính toán [tại đây](#).

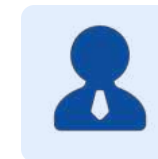
6.1. Các ngưỡng yêu cầu ký quỹ và bán giải chấp

STT	Ngưỡng	Trạng thái tài khoản	Tỷ lệ ký quỹ (Margin Ratio)	Diễn giải thực hiện
01	Ngưỡng yêu cầu ký quỹ (Margin call)	Tài khoản đang thâm hụt ký quỹ	$mr \geq 40\%$	<p>Khi Tài khoản của Nhà đầu tư đang ở trạng thái này:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu ký quỹ bổ sung trước 11h30 ngày T+2. • Sau thời gian này, Tài khoản của Nhà đầu tư chưa thực hiện ký quỹ bổ sung sẽ phải bán giải chấp từ 13h chiều cùng ngày T+2.
02	Ngưỡng bán giải chấp bắt buộc (Forced sell)	Tài khoản đang thâm hụt ký quỹ	$mr < 40\%$	<p>Khi Tài khoản của Nhà đầu tư đang ở trạng thái này:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tài khoản bắt buộc phải bán giải chấp từ 9h sáng ngày T+1.

6.2. Quy định về Hợp đồng GDKQ

- Nhà đầu tư thực hiện đăng ký Dịch vụ GDKQ trực tiếp tại các Văn phòng của HSC hoặc gửi hồ sơ về HSC hoặc thông qua ứng dụng giao dịch trực tuyến của HSC.
- Hạn mức tín dụng:
 - + Nhà đầu tư Tiêu chuẩn có Hạn mức tín dụng ≤ 20 tỷ.
 - + Nhà đầu tư Ưu tiên có Hạn mức tín dụng > 20 tỷ.
- Nhà đầu tư có thể đề nghị tăng/giảm hạn mức tín dụng và việc thực hiện có thể được thực hiện qua các kênh: trực tiếp tại các Văn phòng của HSC hoặc gửi hồ sơ về HSC; hộp thư margin@hsc.com.vn hoặc ứng dụng giao dịch trực tuyến của HSC.
- Định kỳ 12 tháng, Nhà đầu tư phải xác nhận Gia hạn khoản nợ vay một lần, việc thực hiện có thể được thực hiện qua các kênh: trực tiếp tại các Văn phòng của HSC hoặc gửi hồ sơ về HSC; hộp thư margin@hsc.com.vn hoặc ứng dụng giao dịch trực tuyến của HSC.

6.3. Các khuyến cáo khi sử dụng Dịch vụ GDKQ



Phù hợp với các Nhà đầu tư chuyên nghiệp, chấp nhận rủi ro từ các diễn biến của Thị trường chứng khoán cũng như các thay đổi chính sách Dịch vụ GDKQ từ CTCK.



Khi sử dụng Dịch vụ GDKQ để giao dịch chứng khoán, trong trường hợp giá chứng khoán năm giữ giảm thì mức thiệt hại sẽ cao hơn khi không sử dụng dịch vụ đòn bẩy.



Giá chứng khoán giảm sẽ dẫn tới Tài khoản GDKQ bị yêu cầu ký quỹ bổ sung thêm tài sản hoặc phải bán giải chấp bắt buộc tài sản ký quỹ.

7.1. Màn hình Số dư tài khoản (Account Value)

Tại trang Dịch vụ (Services), vào màn hình Số dư tài khoản để xem chi tiết Số dư tiền và Chứng khoán.

Số dư tài khoản	
Giá trị tài khoản	3,421,119,120
Tiền	1,250,741,820
Tài sản	2,170,377,300
Tiền	
Tiền mặt	1,295,176,467
Tiền mặt đầu ngày	1,295,176,467
Tiền bán về	-
Tiền mua thanh toán đi	-
Nộp (rút) ròng trong ngày	-

Account Value	
Account Value	3,400,635,083
Cash	922,133,333
Asset	2,478,501,750
Cash	
Cash On Hand	922,153,686
Opening Balance	922,153,686
Due Sold Amount	-
Due Bought Amount	-
Net Cash Deposit (Withdraw)	-

Giá trị tài khoản (Account Value) = Tiền (Cash) + Tài sản (Asset)

Tiền (Cash)

- Tiền (Cash) = Tiền mặt (Cash on Hand) + Tiền chờ thanh toán (Payables) + Tiền chờ về (Receivables)
- Số dư tiền của Tài khoản đã tính toán bao gồm các dòng tiền hiện tại và tương lai (mua chờ về, bán chờ cắt đi).
- Tuy nhiên không tính phần cổ tức bằng tiền chờ phân bổ (Pending cash dividend)

Tài sản (Asset): Bao gồm toàn bộ giá trị chứng khoán có trong danh mục của Tài khoản.

7.2. Màn hình Trạng thái ký quỹ (Margin Status)

Tại trang Dịch vụ (Services), vào màn hình Trạng thái Tài khoản GDKQ (Margin Status) để xem chi tiết Số dư tiền và Trạng thái tài khoản

Trạng thái ký quỹ			
Tài khoản	3,438,268,470	Giá trị ký quỹ	2,857,643,570
Tiền	1,250,741,820	Tiền	1,250,741,820
Tài sản	2,188,193,300	Giá trị TS đảm bảo	1,606,901,750

Margin Status			
Account	3,436,468,520	Equity Balance	2,857,643,570
Cash	1,250,741,820	Cash	1,250,741,820
Asset	2,185,223,450	Collateral	1,606,901,750

Tỷ lệ ký quỹ	390.8%	Trạng thái ký quỹ	Normal
Thừa ký quỹ	2,126,488,908	Thặng dư / Thâm hụt	2,418,950,773
Yêu cầu ký quỹ	731,154,662	Ký quỹ duy trì	438,692,797

Margin Ratio	390.8%	Margin Status	Normal
Excess Equity	2,126,488,908	Surplus/ Deficit	2,418,950,773
Margin Requirement	731,154,662	Maintenance Margin	438,692,797

Giá trị Tài sản đảm bảo – Collateral: Là giá trị tài sản được dùng làm tài sản thế chấp để Giao dịch Ký quỹ.

Thừa ký quỹ (Excess Equity): Phần vốn dư còn lại để nhà đầu tư có thể sử dụng giao dịch tiếp.

Yêu cầu ký quỹ (Margin Requirement): Là khoản giá trị ký quỹ tối thiểu phải có bằng tiền mặt và giá trị chứng khoán trong Tài khoản GDKQ tính theo Thị giá để đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ ban đầu theo quy định của HSC tại thời điểm giao dịch.

Thặng dư/Thâm hụt ký quỹ (Surplus/Deficit): Là chênh lệch giữa Giá trị ký quỹ (E) và Ký quỹ duy trì (MM)

Ký quỹ duy trì (Maintenance Margin): Là khoản giá trị ký quỹ tối thiểu phải duy trì bằng tiền mặt và giá trị chứng khoán trong Tài khoản GDKQ tính theo Thị giá.

Mã CK	Có thể bán	Tổng số lượng	Thị giá	Giá trị thị trường	Hệ số định giá	Giá trị tài sản đảm bảo	Tỷ lệ ký quỹ	Yêu cầu ký quỹ
BKC	5,300	5,300	7,100	37,630,000	0%	-	100%	-
BSR	4,000	4,000	18,700	74,800,000	0%	-	100%	-
CAN	80	80	71,000	5,680,000	0%	-	100%	-
CSV	2,000	2,000	38,600	77,200,000	0%	-	100%	-
CTG	36,000	72,000	29,550	2,127,600,000	100%	2,138,400,000	35%	898,128,000
EIB	3,000	3,540	18,400	65,136,000	60%	39,506,400	70%	29,341,872
FPT	5,250	5,950	90,700	539,665,000	100%	541,450,000	50%	283,465,000
HPG	3,065	3,065	26,650	81,682,250	75%	60,916,875	30%	18,275,063
MSB	12,000	12,000	13,000	156,000,000	70%	110,040,000	60%	66,024,000
PAN	4,000	4,000	18,850	75,400,000	0%	-	100%	-
PVS	3,500	3,500	36,600	128,100,000	80%	101,920,000	40%	40,768,000
SHB	-	360	11,200	4,032,000	30%	1,209,600	70%	1,185,408
SSI	13,333	13,333	32,400	431,989,200	100%	419,989,500	30%	125,996,850
VEA	2,000	2,000	33,700	67,400,000	0%	-	100%	-
VND	7,000	7,000	21,200	148,400,000	40%	56,700,000	70%	39,690,000
VNM	1,500	1,500	69,300	103,950,000	80%	84,000,000	50%	42,000,000
VPB	3,000	3,000	19,500	58,500,000	80%	46,320,000	50%	23,160,000

Hệ số định giá (Collateral Ratio)

Là hệ số dùng để tính Giá trị tài sản đảm bảo làm tài sản thế chấp cho vay Giao dịch Ký quỹ.

- $c = 0\%$: không được dùng làm tài sản thế chấp.
- $c > 0\%$: được dùng làm tài sản thế chấp.

Tỉ lệ ký quỹ ban đầu (Initial Margin)

Là Tỉ lệ do HSC quy định đối với từng mã chứng khoán làm cơ sở tính toán số tiền/ giá trị chứng khoán ký quỹ phải có trước khi Nhà đầu tư thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán.

Ticker	Sellable Qty	Total Qty	Market Price	Asset Value	Collateral Ratio	Collateral Value	IM Ratio	Margin Requirement
BKC	5,300	5,300	7,100	37,630,000	0%	-	100%	-
BSR	4,000	4,000	18,700	74,800,000	0%	-	100%	-
CAN	80	80	71,000	5,680,000	0%	-	100%	-
CSV	2,000	2,000	38,600	77,200,000	0%	-	100%	-
CTG	36,000	72,000	29,550	2,127,600,000	100%	2,138,400,000	35%	898,128,000
EIB	3,000	3,540	18,400	65,136,000	60%	39,506,400	70%	29,341,872
FPT	5,250	5,950	90,700	539,665,000	100%	541,450,000	50%	283,465,000
HPG	3,065	3,065	26,650	81,682,250	75%	60,916,875	30%	18,275,063
MSB	12,000	12,000	13,000	156,000,000	70%	110,040,000	60%	66,024,000
PAN	4,000	4,000	18,850	75,400,000	0%	-	100%	-
PVS	3,500	3,500	36,600	128,100,000	80%	101,920,000	40%	40,768,000
SHB	-	360	11,200	4,032,000	30%	1,209,600	70%	1,185,408
SSI	13,333	13,333	32,400	431,989,200	100%	419,989,500	30%	125,996,850
VEA	2,000	2,000	33,700	67,400,000	0%	-	100%	-
VND	7,000	7,000	21,200	148,400,000	40%	56,700,000	70%	39,690,000
VNM	1,500	1,500	69,300	103,950,000	80%	84,000,000	50%	42,000,000
VPB	3,000	3,000	19,500	58,500,000	80%	46,320,000	50%	23,160,000

7.3. Màn hình đặt lệnh (Trading)

MUA	BÁN
Loại	LO MP
Khối lượng	10,000
Giá	28.15
Giá trị lệnh đặt	282,485,250
MUA	
KL có thể mua	118,400
Sức mua	3,346,362,961
Thừa ký quỹ	3,346,362,961
Tỷ lệ ký quỹ	309.2%
Thặng dư / Hụt Ký quỹ	3,986,180,539

Tiền	1,273,733,807
Giá trị TS đảm bảo	3,672,173,100
Giá trị ký quỹ	4,945,906,907
Yêu cầu ký quỹ	1,599,543,946
Thừa ký quỹ	3,346,362,961
Tỷ lệ ký quỹ	309.2%
Ký quỹ duy trì	959,726,368
Thặng dư / Hụt Ký quỹ	3,986,180,539

PDR	
BUY	SELL
Type	LO MP
Quantity	10,000
Price	28.15
Consideration	282,485,250
BUY	
Buyable Qty	118,400
Buying Power	3,346,362,961
Excess Equity	3,346,362,961
Margin Ratio	309.2%
Surplus / Deficit	3,986,180,539

Cash	1,273,733,807
Collateral	3,672,173,100
Equity	4,945,906,907
Margin Requirement	1,599,543,946
Excess Equity	3,346,362,961
Margin Ratio	309.2%
Maintenance Margin	959,726,368
Surplus / Deficit	3,986,180,539

Sức mua (Buying Power): Là khả năng giao dịch của Tài khoản GDKQ cho một mã chứng khoán cụ thể. Hệ thống sẽ tự động tính toán sức mua của Tài khoản cho mã cổ phiếu muốn giao dịch.

Sức mua còn phụ thuộc vào các giới hạn của Tài khoản GDKQ:

- Giới hạn cho vay của HSC tại từng thời điểm
- Nếu giới hạn tổng cho vay bằng không (= 0), Tài khoản GDKQ sẽ bị giới hạn Sức mua và không được cấp thêm Sức mua để vay mua mới chứng khoán. Nếu giới hạn tổng cho vay lớn hơn không (> 0), Tài khoản GDKQ được cấp thêm Sức mua
- Tổng dư nợ vay của Tài khoản GDKQ, nếu Dư nợ vay lớn hơn Hạn mức Tín dụng thì Tài khoản GDKQ sẽ không được cấp thêm Sức mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng 2,5,6,7,11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM



Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: 1900 633 996
Trụ sở chính HSC: (8428) 38 233 299



support@hsc.com.vn



<https://hsc.com.vn>

